

Sách Daniel - Số một trăm sáu mươi một

Vai trò của La Mã trong việc định hình khái tượng tiên tri trong Kinh Thánh: Một phân tích chi tiết về sách Đa-ni-ên đoạn 11

Jeff Pippenger

2024-03-27

Khái tượng trong sách Đa-ni-ên chương 11 là điểm tham chiếu chính cho mọi khái tượng của lời tiên tri Kinh Thánh, và khái tượng của chương 11 được xác lập bởi biểu tượng của Rô-ma.

Trong thời ấy sẽ có nhiều người đứng lên chống lại vua phương nam; cả những kẻ cướp trong dân người cũng sẽ tự tôn mình lên để làm cho khái tượng được ứng nghiệm; nhưng rồi chúng sẽ thất bại. Đa-ni-ên 11:14.

Jones bình luận về câu trước như sau:

Khi tội ác của người Amô-rít đã đầy trọn, xứ của họ được trao cho Israel, dân của Đức Chúa Trời. Khi Israel đi theo đường lối dân ngoại, cũng làm cho chén tội ác đầy trọn, Đức Chúa Trời đẩy lên vương quốc Ba-by-lôn và đem hết thay đi. Khi Ba-by-lôn đã làm đầy chén tội ác của mình, quyền lực được chuyển giao cho Ba Tư. Và khi thiên sứ bị xua đuổi vì sự gian ác của người Ba Tư, bấy giờ vị thủ lãnh của Hy Lạp đến và quét sạch nó.

Và quyền lực của Hy Lạp sẽ còn kéo dài bao lâu? Khi nào nó sẽ bị bẻ gãy? “Khi những kẻ phạm tội đã đến mức trọn đầy.” Dân tộc ấy đứng vững cho đến khi tội ác của nó đã đầy đầy, rồi quyền lực được chuyển giao cho một vương quốc khác. Quyền lực ấy được chuyển sang cho La Mã, như chúng ta học từ Daniel 11:14. “Và trong những ngày ấy sẽ có nhiều kẻ đẩy lên chống lại vua phương nam; cũng những kẻ cướp của dân người sẽ tự tôn mình lên để làm cho khái tượng được ứng nghiệm; nhưng họ sẽ ngã.” Dân tộc này được chỉ ra là một dân tộc cướp bóc—con cái của những kẻ cướp, như lời chú thích bên lề của bản văn nói.

Chính họ là những người hiện nay được trao vương quốc, và để làm gì? - ‘Con cái của những kẻ cướp sẽ tự tôn mình lên để thiết lập khái tượng.’ Khi dân tộc này xuất hiện trên vũ đài, thì điều thiết lập khái tượng xuất hiện, điều vốn là một mục đích lớn của khái tượng, cột mốc chủ chốt trong mạch khái tượng mà Đức Chúa Trời đã ban qua các nhà tiên tri cho muôn đời. A. T. Jones, *The Columbian Year and the Meaning of the Four Centuries*, 6.

Jones nói rằng khi quyền lực La Mã "xuất hiện trên vũ đài lịch sử, thì xuất hiện điều thiết lập" ... "dòng khái tượng mà Đức Chúa Trời đã ban qua các tiên tri cho muôn đời." Trong thời kỳ của Miller, những người Tin Lành dạy, giống như Cơ Đốc Phục Lâm Laodicea hiện nay, rằng những kẻ cướp của dân người tượng trưng cho Antiochus Epiphanes, một vị vua Seleukid trị vì từ năm 175 đến 164 TCN. Ông là thành viên của vương triều Seleukid, vốn là một trong những quốc gia kế tục của Hy Lạp hình thành sau sự tan rã của đế quốc của Alexander Đại đế. Sự bất đồng về vấn đề này trong lịch sử Millerite cụ thể đến mức việc xác định Antiochus Epiphanes được thể hiện trên biểu đồ tiên phong năm 1843.

Việc biểu đồ đề cập đến Antiochus là sự đề cập duy nhất đến một điều không được tìm thấy trong Lời tiên tri của Đức Chúa Trời. Điều đó được đặt vào đó để bác bỏ những giáo lý sai lầm của giới Tin Lành trong thời kỳ ấy, mà nay là giáo lý sai lầm của Cơ Đốc Phục Lâm Laodice. Liệu William Miller có hiểu được tầm mức quan trọng sâu xa của việc nhận biết rằng La Mã là quyền lực thế gian thiết lập “đường ngắm mà Đức Chúa Trời đã ban qua các đấng tiên tri cho mọi thời đại” hay không thì còn đáng ngờ; nhưng điều ấy đủ rõ ràng để vững vàng bảo vệ sự thật rằng La Mã thiết lập sự hiện thấy.

Nơi nào không có Khải tượng, dân sự sẽ diệt vong; nhưng ai giữ luật pháp thì người ấy hạnh phúc. Châm Ngôn 28:14.

Sa-lô-môn ghi lại rằng nơi nào không có Khải tượng thì dân sự bị diệt vong, và từ Hê-bơ-rơ “khải tượng” trong câu mười bốn cũng giống như trong châm ngôn của Sa-lô-môn. Khải tượng là một vấn đề sống còn, và “khải tượng” được xác lập bởi biểu tượng của La Mã. Từ “khải tượng” trong câu mười bốn là cùng một từ dùng cho Khải tượng trong sách Ha-ba-cúc, chương hai.

Tôi sẽ đứng ở nơi canh gác của mình, và sẽ đặt mình trên tháp canh; tôi sẽ trông xem Ngài sẽ phán gì với tôi, và tôi sẽ đáp thế nào khi bị quở trách. Chúa đáp lời tôi rằng: Hãy chép Khải tượng và ghi rõ trên các bảng, để ai đọc được thì chạy. Vì Khải tượng còn cho kỳ đã định; đến cuối cùng nó sẽ ứng nghiệm, không dối trá. Dầu có chậm trễ, hãy chờ đợi, vì chắc chắn nó sẽ đến, không trì hoãn. Ha-ba-cúc 2:1-3.

Chữ "reproved" trong câu một có nghĩa là "tranh luận với". William Miller là người lính canh được đặt trên tháp canh trong lịch sử của phong trào thiên sứ thứ nhất và thứ hai, và khi, trong biểu tượng tiên tri, ông hỏi ông nên trả lời gì trong cuộc tranh luận về lịch sử của mình, ông được bảo phải viết Khải tượng, điều được xác lập bởi biểu tượng của La Mã. Phù hợp với thực tế này, khi những người Millerite đưa ra tám biểu đồ tiên phong năm 1843 để ứng nghiệm ba câu này của Habakkuk, họ đã đề cập đến chính trọng tâm của cuộc tranh luận mà họ tham dự. Hẳn là họ không hiểu rằng việc họ nhắc đến lập luận đại đột cho rằng Antiochus Epiphanes là quyền lực đã thiết lập Khải tượng chính là đại diện cho cuộc tranh luận trong Habakkuk chương hai, nhưng Bà White nói rằng tám biểu đồ ấy "được dẫn dắt bởi bàn tay của Chúa, và không nên bị thay đổi," nên việc đề cập đến cuộc tranh luận trên biểu đồ là từ tay Đức Chúa Trời.

Những người Millerite đã đi đến chỗ hiểu đúng rằng sự thất vọng đầu tiên vào ngày 19 tháng 4 năm 1844 đã khởi đầu thời kỳ chậm trễ, được nhắc đến trong Ha-ba-cúc và cũng trong dụ ngôn về mười trinh nữ của Ma-thi-ơ. Họ cũng đi đến chỗ hiểu rằng hai lời tiên tri ấy có liên hệ trực tiếp với Ê-xê-chi-ên chương mười hai, nơi Ê-xê-chi-ên xác định một khoảng thời gian mà trong đó hiệu lực của mọi sự hiện thấy sẽ xảy ra. Từ “sự hiện thấy” ấy chính là cùng một từ Hê-bơ-rơ mà hiện nay chúng ta đang xem xét. Đây là lý do Jones đúng khi ông phát biểu: “Khi” La Mã “bước vào vũ đài, thì điều thiết lập sự hiện thấy liền xuất hiện, điều là một đối tượng lớn lao của sự hiện thấy, dấu mốc chủ yếu trong tuyến của sự hiện thấy mà Đức Chúa Trời đã ban qua các đấng tiên tri cho mọi thời đại.” La Mã thiết lập toàn bộ sự hiện thấy của Lời tiên tri của Đức Chúa Trời, và cụ thể hơn, chính La Mã là nền tảng mà toàn bộ cấu trúc của chương mười một được xây dựng trên đó.

Khi Chi White đề cập đến sự ứng nghiệm cuối cùng của chương mười một sách Đa-ni-ên và tuyên bố rằng “phần lớn lịch sử đã diễn ra trong sự ứng nghiệm của lời tiên tri này sẽ được lặp lại,” bà đang xác định rằng những diễn tiến lịch sử của chương mười một đã được ứng nghiệm trước đó là hình bóng tiêu biểu cho những câu cuối cùng của Đa-ni-ên chương mười một. Chủ đề của những câu cuối cùng trong chương mười một là vua phương bắc, là nhân vật tại đó đại diện cho La Mã hiện đại. Vì vậy, những diễn tiến lịch sử của Đa-ni-ên chương mười một được lặp lại là những diễn tiến lịch sử đại diện cho La Mã.

Trong sáu câu cuối của chương mười một, Rô-ma hiện đại (vua phương bắc) chinh phục ba thế lực địa lý. Ở câu bốn mươi, nó chinh phục vua phương nam (Liên Xô cũ vào năm 1989), xứ vinh hiển (Hoa Kỳ khi luật Ngày Chủ nhật sắp đến), và Ai Cập (toàn thế giới, được đại diện bởi Liên Hợp Quốc). Trong Đa-ni-ên chương mười một, Rô-ma ngoại giáo được mô tả là chinh phục ba thế lực địa lý để chiếm lấy thế giới đã biết khi đó, và rồi Rô-ma giáo hoàng được mô tả là chinh phục ba thế lực địa lý để chiếm lấy địa cầu.

La Mã ngoại giáo được nhắc đến lần đầu trong chương này ở câu mười bốn, nhằm xác định nó là biểu tượng thiết lập khái tượng, nhưng sự trỗi dậy nắm quyền lực của nó mãi đến câu mười sáu mới được đề cập. Vương quốc của Alexander Đại đế đã bị chia thành bốn phần để ứng nghiệm Lời tiên tri của Đức Chúa Trời, nhưng bốn phần ấy nhanh chóng hợp nhất thành hai đối thủ chính, được xác định trong bản tường thuật tiên tri đang tiếp diễn cho đến hết chương là hoặc vua phương nam hoặc vua phương bắc. Trong câu mười bốn, quyền lực đang lên của La Mã được nhắc đến như là thế lực sẽ thiết lập khái tượng, nhưng những đối tượng đang được đề cập đến là các cuộc tranh đấu giữa những phần còn lại của vương quốc Alexander, như được đại diện bởi các vua phương bắc và phương nam.

Trong câu mười lăm, hai vua ấy vẫn đang trong cuộc tranh chiến, và vua phương bắc đang thắng thế. Nhưng trong câu mười sáu, La Mã xuất hiện, và câu ấy nói: “Nhưng kẻ đến nghịch cùng hắn,” nghĩa là khi La Mã đến nghịch cùng vua phương bắc, kẻ vừa thắng thế trước vua phương nam, thì vua phương bắc sẽ không thể đứng vững trước La Mã. La Mã thắng thế, và trong câu mười sáu, La Mã cũng sẽ đứng trong xứ vinh hiển của Giu-đa. Trong câu mười bảy, La Mã sẽ “quyết định tiến vào với sức mạnh của cả vương quốc mình.” La Mã khuất phục vua phương bắc, kẻ không thể đứng vững trước mình; rồi chiếm Giu-đa, rồi tiến vào Ai Cập.

Trong những thời ấy, nhiều kẻ sẽ đứng lên chống lại vua phương nam; cả những kẻ cướp bóc trong dân người cũng sẽ tự tôn mình lên để làm cho khái tượng ứng nghiệm, nhưng rồi chúng sẽ sa ngã. Vậy vua phương bắc sẽ đến, đắp lũy và chiếm các thành kiên cố nhất; quân lực của phương nam sẽ không thể chống đỡ, dân tuyển chọn của vua phương nam cũng vậy; sẽ chẳng còn sức nào để đương nổi. Nhưng vua phương bắc, kẻ đến nghịch cùng vua phương nam, sẽ làm theo ý mình; chẳng ai đứng nổi trước mặt vua ấy; vua ấy sẽ đứng trong đất vinh hiển, và đất ấy sẽ bị tiêu hao bởi tay vua ấy. Vua ấy cũng sẽ hướng mặt để tiến vào với sức mạnh của cả vương quốc mình, và có những người ngay thẳng đi cùng; vua ấy sẽ làm như vậy. Vua ấy sẽ gả con gái của phụ nữ cho vị vua kia để làm bại hoại nàng; nhưng nàng sẽ không đứng về phía vua ấy, cũng chẳng vì vua ấy. Đa-ni-ên 11:14-17.

Sự chinh phục được minh họa trong những câu này là sự ứng nghiệm của Đa-ni-ên đoạn tám.

Và từ một trong chúng mọc lên một cái sừng nhỏ, sừng ấy trở nên vô cùng lớn, hướng về phương nam, hướng về phương đông, và hướng về xứ vinh hiển. Đa-ni-ên 8:9.

Sừng nhỏ ở câu 9 là La Mã ngoại giáo, và câu 9 xác định, phù hợp với các câu 14 đến 17 của chương 11, rằng La Mã ngoại giáo sẽ chinh phục ba vùng lãnh thổ khi nó nắm quyền kiểm soát thế giới. Những vùng lãnh thổ ấy là phương nam (Ai Cập), phương đông (Syria, vua phương bắc) và đất tốt lành (Giu-đa). Lịch sử ở các câu 16 và 17 là kiểu mẫu cho cuộc chinh phục theo ba bước trong lịch sử của La Mã hiện đại ở các câu 40 đến 43, vì như Bà White đã nói: “Phần lớn lịch sử đã diễn ra để ứng nghiệm lời tiên tri này sẽ được tái diễn.”

“Mặc dù Ai Cập không thể đứng vững trước Antiochus, vua phương bắc, nhưng Antiochus cũng không thể đứng vững trước người La Mã, lúc bấy giờ kéo đến chống lại ông. Không còn vương quốc nào có thể chống cự được thế lực đang lên này. Syria bị chinh phục và được sáp nhập vào đế quốc La Mã, khi Pompey, vào năm 65 TCN, tước đoạt các lãnh thổ của Antiochus Asiaticus và hạ Syria xuống thành một tỉnh của La Mã.”

“Cũng chính quyền lực ấy sẽ đứng trong Đất Thánh, và nuốt lấy nó. La Mã đã liên kết với dân sự của Đức Chúa Trời, tức dân Do Thái, bằng một liên minh vào năm 162 TCN; từ mốc thời gian ấy, nó giữ một vị trí nổi bật trong niên biểu tiên tri. Tuy nhiên, mãi đến năm 63 TCN, nó mới thực sự giành được quyền cai trị trên Giu-đê bằng sự chinh phục; và điều đó đã diễn ra theo cách sau đây.

Khi Pompey trở về sau cuộc viễn chinh chống Mithridates, vua xứ Pontus, hai đối thủ, Hyrcanus và Aristobulus, đang tranh giành ngai vàng xứ Giu-đê. Vụ việc của họ được trình lên Pompey, người sớm nhận ra các đòi hỏi của Aristobulus là không chính đáng, nhưng muốn hoãn quyết định cho đến sau cuộc viễn chinh vào Ả Rập mà ông mong mỏi từ lâu, hứa rằng khi ấy sẽ trở lại và thu xếp công việc của họ sao cho công bằng và thích đáng. Aristobulus, đoán biết ý thật của Pompey, vội vã trở về Giu-đê, vũ trang cho thần dân mình và chuẩn bị phòng thủ quyết liệt, quyết giữ bằng mọi giá ngai vàng mà ông lưỡng lự sẽ bị phán trao cho kẻ khác. Pompey liền truy đuổi sát kẻ bỏ chạy. Khi Pompey tiến gần Giê-ru-sa-lem, Aristobulus, bắt đầu hối hận về bước đi của mình, ra nghênh đón và tìm cách dàn xếp bằng cách hứa hoàn toàn khuất phục và nộp những khoản tiền lớn. Pompey chấp nhận đề nghị này, cử Gabinius, chỉ huy một toán binh lính, đến nhận tiền. Nhưng khi vị phó tướng đó đến Giê-ru-sa-lem, ông thấy các cổng thành đóng chặt trước mặt mình, và từ trên tường thành người ta báo rằng thành sẽ không giữ thỏa thuận.

Pompey, không chịu để bị lừa dối như thế mà không trừng phạt, đã xiềng xích Aristobulus, người ông giữ bên mình, và lập tức đem toàn quân tiến đánh Jerusalem. Phe của Aristobulus thì chủ trương giữ thành; phe của Hyrcanus thì muốn mở cổng. Phe sau đông hơn và thắng thế, nên Pompey được mở toang cổng thành cho vào. Bấy giờ những người ủng hộ Aristobulus rút về Núi Đền Thờ, quyết tâm bảo vệ nơi ấy không kém gì quyết tâm của Pompey là khuất phục nó. Hết ba tháng, tường thành bị mở một lỗ thủng đủ để xung phong, và nơi ấy bị chiếm bằng lưỡi gươm. Trong cuộc tàn sát khủng khiếp xảy ra sau đó, mười hai nghìn người bị giết. Nhà sử học nhận xét, đó là một cảnh tượng xúc động: các tư tế, lúc ấy đang cử hành phụng tự, với bàn tay đẫm tình và lòng kiên định vẫn tiếp tục công việc quen thuộc của họ, dường như không hay biết cảnh hỗn loạn dữ dội, dù xung quanh họ bạn hữu bị tàn sát, và không ít lần chính máu

của họ hòa lẫn với máu của các lễ vật hiến tế.

Sau khi chấm dứt cuộc chiến, Pompey phá hủy tường thành Jerusalem, chuyển một số thành phố từ quyền cai trị của Giu-đêa sang của Syria, và áp đặt cống nạp lên người Do Thái. Như vậy, lần đầu tiên, do bị chinh phục, Jerusalem đã rơi vào tay quyền lực sẽ nắm giữ 'đất vinh hiển' trong bàn tay sắt cho đến khi nó bị hủy diệt hoàn toàn.

'CÂU 17. Ông cũng sẽ quyết chí tiến vào với sức mạnh của cả vương quốc mình, và những người chính trực cùng với ông; ông sẽ làm như vậy: và ông sẽ trao cho hấn con gái của đàn bà, làm cho nàng bại hoại; nhưng nàng sẽ không đứng về phía hấn, cũng chẳng thuận theo hấn.'

“Giám mục Newton đưa ra một cách dịch khác cho câu này, dường như diễn đạt rõ ý hơn, như sau: ‘Người ấy cũng sẽ quyết chí tiến vào toàn thể vương quốc bằng vũ lực.’ Câu 16 đưa chúng ta đến cuộc chinh phục Syria và Giu-đê của người La Mã. Trước đó, La Mã đã chinh phục Macedonia và Thrace. Lúc này, Ai Cập là tất cả những gì còn lại của ‘toàn vương quốc’ của Alexander, chưa bị khuất phục dưới quyền lực La Mã; và quyền lực ấy nay nhất quyết tiến vào đất nước đó bằng vũ lực.” Uriah Smith, Daniel và Khải Huyền, 258-260.

Chúng tôi đã ghi nhận, hơn một lần trong các bài viết này, rằng câu ba mươi và ba mươi một của Đa-ni-ên 11 tương ứng với câu bốn mươi và bốn mươi một, và lịch sử của câu ba mươi và ba mươi một cũng tương ứng với việc nhổ bật lên ba cái sừng.

Tôi ngắm các sừng, và kìa, có một cái sừng nhỏ khác mọc lên ở giữa chúng; trước mặt nó, ba trong số những sừng đầu tiên bị nhổ bật gốc; và kìa, trên sừng ấy có mắt như mắt người, và một miệng nói những lời kiêu căng. . . . Còn về mười cái sừng ở trên đầu nó, và cái sừng khác đã mọc lên, trước mặt sừng đó có ba cái ngã xuống; tức là cái sừng có mắt, và có miệng nói những lời rất kiêu ngạo, mà đáng vẻ oai vệ hơn các đồng bạn của nó. Đa-ni-ên 7:8, 20.

Cũng như Đa-ni-ên chương 8, câu 9 biểu trưng cho ba khu vực địa lý chinh phục đã đưa La Mã ngoại giáo lên ngai, thì việc nhổ bật các sừng (đại diện cho Heruli, Ostrogoths và Vandals) cũng biểu trưng cho ba khu vực địa lý chinh phục đã đưa La Mã giáo hoàng lên ngai. Cả hai lịch sử đó tương ứng với các câu 40 đến 43 của Đa-ni-ên chương 11, và việc nhổ bật ba sừng tương ứng với lịch sử ở các câu 30 và 31.

'CÂU 8. Tôi nhìn các sừng, và kìa, có một cái sừng nhỏ khác mọc lên giữa chúng; trước mặt nó, ba trong các sừng đầu tiên bị nhổ bật rễ; và kìa, trên cái sừng này có mắt như mắt người, và một cái miệng nói những lời lớn lao.'

Daniel suy xét những chiếc sừng. Những dấu hiệu của một chuyển động lạ xuất hiện giữa chúng. Một chiếc sừng nhỏ (ban đầu nhỏ, nhưng về sau rần rỏi hơn các sừng khác) vươn mình lên giữa chúng. Nó không bằng lòng lặng lẽ tìm một chỗ cho riêng mình và chiếm lấy chỗ ấy; nó phải đẩy sang một bên một số sừng khác và tiếm đoạt vị trí của chúng. Ba vương quốc đã bị nhổ bật gốc trước mặt nó. Chiếc sừng nhỏ này, như chúng ta sẽ có dịp xem xét đầy đủ hơn về sau, chính là chế độ giáo hoàng. Ba chiếc sừng bị nhổ bật gốc trước nó là người Heruli, người Ostrogoth và người Vandal. Và lý do họ bị nhổ bật gốc là vì họ chống đối giáo huấn và những yêu sách của phẩm trật giáo hoàng, và do đó chống lại quyền tối thượng trong Giáo hội của giám mục Rôma.

Và “trong sừng này có mắt như mắt người, và một cái miệng nói những điều lớn lao,” mắt ấy là biểu tượng thích hợp cho sự sắc sảo, thấu suốt, xảo quyệt và khả năng tiên liệu của phẩm trật giáo hoàng; còn cái miệng nói những điều lớn lao là biểu tượng thích hợp cho những tuyên bố kiêu ngạo của các giám mục Rôma. Uriah Smith, Daniel and the Revelation, 132-134.

Chính La Mã thiết lập khái tượng của lời tiên tri trong Kinh Thánh, và đặc biệt là khái tượng của Đa-ni-ên chương mười một. Trong chương ấy, phần lớn lịch sử tiên tri đã được ứng nghiệm trước phong trào Millerite sẽ được lặp lại trong sáu câu cuối của Đa-ni-ên chương mười một. Việc chinh phục ba vương quốc địa lý đã thiết lập cả La Mã ngoại giáo lẫn La Mã giáo hoàng trên ngai được trình bày trong chương mười một, và hai sự trình bày ấy là hình bóng chỉ về thời điểm khi La Mã hiện đại một lần nữa được thiết lập trên ngai. Chính La Mã thiết lập khái tượng, và Phao-lô xác định rằng La Mã giáo hoàng được bày tỏ đúng trong thời kỳ của nó.

Đừng để ai dùng cách nào mà lừa dối anh em; vì ngày ấy sẽ không đến đâu, nếu trước hết không có sự bội đạo, và người tội ác được bày tỏ, tức là con của sự hư mất; kẻ chống đối và tôn mình lên trên mọi cái gọi là thần hay mọi sự được thờ phượng, đến nỗi nó ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời như Đức Chúa Trời, tỏ ra mình là Đức Chúa Trời. Anh em há chẳng nhớ rằng, khi tôi còn ở với anh em, tôi đã nói cho anh em những điều ấy sao? Hiện nay anh em đã biết điều gì đang ngăn trở, để nó chỉ hiện ra trong kỳ riêng của nó. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3-6.

Chế độ giáo hoàng lên nắm ngai như vương quốc thứ năm trong lời tiên tri Kinh Thánh vào năm 538, và nhiều người khi xem xét câu sáu hẳn sẽ cho rằng Phao-lô có ý rằng “chế độ giáo hoàng sẽ được bày tỏ vào năm 538.” Điều này có thể đúng, nhưng tối thiểu cũng chỉ là một lẽ thật thứ yếu so với điều Phao-lô đang xác định. Phao-lô, như mọi nhà tiên tri, nói nhiều về thời kỳ sau rốt hơn là về thời đại của chính mình. Ông đang nói đến cách chế độ giáo hoàng sẽ được bày tỏ theo phương diện tiên tri, vì với tư cách một nhà tiên tri, ông đồng thuận với tất cả các nhà tiên tri khác. Dòng này dòng kia, điều này điều kia; những ai không có khái tượng thì bị diệt vong, và họ không có khái tượng vì họ không biết điều gì thiết lập nên khái tượng. Biết rằng chính La Mã thiết lập nên khái tượng là một vấn đề sống chết. Phao-lô, đồng thuận với các nhà tiên tri khác, đang xác định rằng điều bày tỏ La Mã giáo hoàng — tức La Mã của thời kỳ sau rốt — chính là “thì giờ của nó.” “Thì giờ” mang tính tiên tri gắn liền với La Mã chính là điều bày tỏ La Mã là gì và là ai.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Sứ đồ Phao-lô, trong bức thư thứ hai gửi tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca, đã tiên báo cuộc bội đạo lớn sẽ dẫn đến việc thiết lập quyền lực giáo hoàng. Ông tuyên bố rằng ngày của Đấng Christ chưa thể đến, “nếu trước hết không có sự bội đạo, và người tội ác, con của sự hư mất, không được bày tỏ; kẻ chống đối và tôn mình lên trên mọi điều được gọi là Đức Chúa Trời hay là được thờ phượng; đến nỗi nó ngồi trong đền thờ Đức Chúa Trời như thể là Đức Chúa Trời, tỏ ra mình là Đức Chúa Trời.” Hơn nữa, sứ đồ còn cảnh báo anh em rằng “sự mầu nhiệm của điều ác đã bắt đầu hoạt động rồi.” 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3, 4, 7. Ngay từ thời điểm sớm ấy, ông đã thấy những sai lầm đang len lỏi vào hội thánh, dọn đường cho sự phát triển của chế độ giáo hoàng.

Dần dần, lúc đầu một cách lén lút và lặng lẽ, rồi càng ngày càng công khai khi nó gia tăng sức mạnh và chiếm lĩnh tâm trí con người, 'mầu nhiệm của tội ác' đã đẩy mạnh công việc lừa dối và

phạm thượng của mình. Gần như không thể nhận ra, các phong tục ngoại giáo đã len lỏi vào giáo hội Cơ Đốc. Tinh thần thỏa hiệp và xu hướng đồng hóa đã bị kiềm chế một thời bởi những cuộc bách hại dữ dội mà giáo hội phải chịu dưới thời ngoại giáo. Nhưng khi sự bách hại chấm dứt, và Cơ Đốc giáo bước vào các triều đình và cung điện vua chúa, giáo hội gác bỏ sự đơn sơ khiêm nhu của Đấng Christ và các sứ đồ để đòi lấy vẻ phô trương và kiêu hãnh của các tư tế và nhà cầm quyền ngoại giáo; và thay cho những yêu cầu của Đức Chúa Trời, giáo hội đã đặt vào đó các lý thuyết và truyền thống của loài người. Sự cải đạo trên danh nghĩa của Constantine vào đầu thế kỷ thứ tư đã gây nên sự hân hoan lớn; và thế gian, khoác lên mình một hình thức công chính, đã bước vào giáo hội. Khi ấy, công cuộc bại hoại nhanh chóng tiến triển. Ngoại giáo, tuy có vẻ như bị đánh bại, lại trở thành kẻ chiến thắng. Tinh thần của ngoại giáo đã chi phối giáo hội. Các giáo lý, nghi lễ và mê tín của nó đã được đưa vào đức tin và sự thờ phượng của những người xưng mình là môn đồ của Đấng Christ.

Sự thỏa hiệp giữa ngoại giáo và Cơ Đốc giáo này đã dẫn đến sự hình thành của ‘con người tội ác’ mà lời tiên tri đã báo trước là chống nghịch và tôn mình lên trên Đức Chúa Trời. Hệ thống tôn giáo giả dối khổng lồ ấy là một kiệt tác của quyền năng Sa-tan — một tượng đài cho những nỗ lực của hắn nhằm ngai lên ngay để cai trị thế gian theo ý muốn của hắn. Cuộc Tranh Đấu Lớn, 49, 50.